

# VÙNG BUNG

BĂNG QUANG THẤP NHIỆT (đái buốt nóng  
đỏ hay ra máu mủ)

{ Liệt huyết (21.22)  
{ Côn luân (60)

Đái buốt thêm Hội âm (90)

## VIÊM RUỘT CẤP - ĐAU DA DÂY CẤP

{ Chích nặn máu Xích trạch (24) { K. trạch  
{ Khúc trạch (64) { Ủy trung

## XUẤT HUYẾT DA DÂY

{ Cửu Âm bạch + Đai đôn  
{ tả Đai lãng (64)  
{ Khích môn (64)

## IẢ RA MÁU TƯỞI

cứu Yêu dương quan 10 môi

## VIÊM GAN CẤP

Tụy du (D8) + Tỳ du (D11) + Thái khê (62)

[+ Lao cung (66)] < uông lá cỏ mần trâu >

## VIÊM THÂN CẤP

{ Giải khê (44)

{ Phục lưu (62)

(+ Khúc tuyền)

## VIÊM TUY CẤP

## VIÊM TUY CẤP

- Tuy du (D8)
- Tỳ du (D11) + Ý xá (D11)
- Trung quản (89)
- Lương môn (37)
- Nội quan + Túc tam lý
- Thái bạch (46)

VIÊM GAN TUY (đau quản vùng sau ức lan ra vùng bụng mạng mỡ phổi)

- Chữa viêm Tuy
- Thái xung (83) + Nội đình (44) + Khí hải

## VIÊM RUỘT THỪA :

- Tả Quan nguyên
- cứ Trứu tiêm
- đắp muối sống
- < Khúc trích + Xích trích >

## ĐAU BỤNG GIUN

- Bồ' Quan nguyên
- Đại hoành (rôn sang 4+)

## ĐẠI TRĂNG NGANG (thực tiết)

- Thượng cự hự
- Hạ cự hự

TRÚNG GIÓ CẢM LẠNH ỈA CHẤY  
cứ Thân khuyết + Quan nguyên

## ĐÁI NHIỄU

\* cứu Liệt khuyết

\* trẻ con:

Bồ Bách hội

Thái khê

( bí đái tả Bách hội )

đái...  
dâm



## ĐÁI THẢO ĐAM

\* { Bồ' Khúc cốt  
Tinh cung  
Tả' Thái xung

\* { T.A. giao  
Quan nguyên  
Thân đù  
Khi' hải

## UXƠ TIÊN LIỆT TUYẾN

{ Bồ' Khúc cốt  
Tinh cung

## RỐI LOAN TIÊN LIỆT TUYẾN

{ Khúc cốt  
Tam âm giao

## ĐAU BÚI TRĨ

\* Trường cường + Hội âm

\* Bách hội + Trường cường + Thừa sơn + (Hội âm) (Kết hợp chữa trĩ mũi)

\* Uống lá mở lông rau dấp cá mỗi ngày 1 nắm cho đến khi dứt, xông phải uống Thăng ma (02g) để trừ căn.

\* Ăn chuối tiêu vào sáng sớm vỏ phơi khô sắc uống. Lá chuối già nấu nước rửa đi ngoài chùi bằng lá chuối

\* Lá thâu dẫu tiá đập Tiễn đình (giã)

QUANH HẬU MÔN NỘI MỤN CÓ BOC NƯỚC

{ Hội đường  
Trưởng cường

### ĐAU BỤNG

\* Lấy thuốc hút nhồi với rượu cốt ngay lỗ rốn.

\* Ngón cái để xoa giữa cườm tay

\* Đau bụng trên: (Da dầy: Kỳ môn)

{ Trung quản  
Nội quan  
Túc tam lý (châm trước)

- Nhiệt châm, hàn cứu Hợp cốc + Nội đình

- Can khí bất thư: Thái xung + D. L. tuyên

- Tỳ vị hư hàn: cứu Khí hải (Thái bạch)

- Đam ẩm: Chiên trung + Phong long

- Nhiệt thô không dứt: chích Kim tân + Ngọc

chích

\* Đau quanh rốn:

Túc tam lý + Thiên khu + Khí hải  
(phát sốt châm, không sốt châm và cứu, hay thêm cứu cách muối Thân khuyết)

\* Đau bụng dưới:

{ Tam âm giao  
{ Khi' hải  
{ Khúc tuyền

( Khi' hải - Quan nguyên - Vị du )

CON NÍT ĐAI DÂM

Quan nguyên - Túc tam lý - Thân du  
< Mỗi lần châm bổ một huyết >

SA TRỰC TRĂNG

{ Bách hội  
{ Trường cường

ĐI TIÊU ĐÊM NHIỀU

\* Vững đẹn rang chín, nhai từng hạt cho nát như mới nuốt. Mỗi ngày nhai một hoặc 2 thìa cà phê. Uống nước trà gừng.

\* Nấu xương lợn với đậu nành ăn ngay hay vài hôm 1 lần

NÔN RA MÁU

Lấy ngay tỏi sống (1 củ) giã nát cốt ở gan bàn chân. Bên trong cho uống củ nghệ sống giã nát vắt nước uống.

## NÔN MỬA (Th. khâu + Umôn + Th. cốc)

- \* Nội quan + Trung quản + Túc tam lý
  - thuộc nhiệt: Hợp cốc + Nội đình
  - thuộc hàn: Trung quản châm xong phải cứu
  - can vị bất hòa: D.L. tuyền + Thái xung
  - Tỳ hư: cứu Chương môn + Tỳ du
- \* Khúc trí + Nội quan + Túc tam lý (bình, (ta'))
  - Nhiệt: Hợp cốc + ủy trung
  - Hàn: Tỳ du + Trung quản + Khi' hải (châm + cứu cách gững hay sao muối chườm)
  - Nôn mửa không dứt: chích máu Kim tân + Ngọc dịch

## NẤC CỨT Nhân trung,

- \* Nội quan tiến lui theo hơi thở 0,5" - 0,3" + Thái khê + Cách du + Ách nghịch
- \* Tỳ du (D<sub>8</sub>) + Tỳ du (D<sub>11</sub>) + Thái xung
- \* Khi' xá + Cách du + Nội quan + Thiên đột
- \* Túc tam lý + Thiên khu + Trung quản + Thiên đột + Nội quan
- \* Cách du + Trung quản + Nội quan + Chiên trung + Túc tam lý (châm + cứu chườm nghẹn)

BÍ ĐÁI - ĐÁI IT (Âm cốc + Th. phân + T.t. lý)

\*

Trung cực

Âm lãn̄g tuyēn̄

Hãn̄h gian

Bãn̄g quang du

Tam âm giao

Nóng quả bí đái:

Gián đấ̄t giã̄ với hãn̄h  
hường trôn đãm ăn đấ̄p  
lên mu.

Hư chũng gia: Bách hội (cứu) + Khí hải  
+ Quan nguyên

\* Trẻ bí đái:

Lấy một cái gương sen (tươi hay khô) đổ  
nước nấu cho đặc cho uống nóng nóng.

TRẺ BÍ IẢ

\* Lấy 1 quả chanh, gọt vỏ, vắt lấy nước  
rồi đổ 1/2 ly mật mía cho uống

\* { Chi xác (bỏ xơ) 1 chi?  
Cam thảo 1 chi?

đổ 2 bát nước sắc còn 1 ly cho uống.

TRẺ ĐAU BỤNG

\* Hãn̄h lá đãm sắc với nước rồi tắm cho  
Lấy hãn̄h, đãm nhỏ, hơi nóng, chườm vào  
rốn trẻ nó đi tiêu được là khỏi

\* Lấy lá trâu hơi nóng xoa

## ĐIÀ CHUI VÀO ĐÍT

Lấy một nắm hành lá giã nhỏ trộn với mật ong và một ít nước, thụt vào lỗ đít đi đi sẽ chết mō ra theo

### ỈA CHẢY

\* Cấp tính: *Đau hậu môn, thối rữa*  
Trung quản + Thiên khu + Túc tam lý  
(Tả)

Bụng óau nhiều cứu Thân khuyết

\* Ỉa chảy mãn:

Trung quản + Thiên khu + Tỳ du + Vị du  
+ Túc tam lý

Cứu cách gừng. Phân có lẫn máu gia cứu Mệnh môn

\* Đã sáng ỉa chảy:

Chiếu hải (63) + Khí hải + Thân du +  
Quan nguyên (cứu)

LY (bình bõ bình tả lưu 30')

Trung quản + Thiên khu + Túc tam lý

- Có nóng lạnh: Đại chủy + Hợp cốc + K. tri

- Đau bụng quá lắm: Thái xung + Chi cẩu

- nhầy trắng nhiều khi lưu kim cứu Thiên khu



- Lôi dom : gia cứu Bách hội
- Không sốt mà số lần đi nhiều cứu Thân khuyết cách muối

### THỒ TA' < Bình lưu 30' >

Túc tam lý + Trung quản + Nội quan +  
Hợp cốc + Thiên khu

- Chân tay lạnh giá, ra nhiều mồ hôi: cứu Quan nguyên + Khí hải
- Bung đầu không dứt: Khí hải + Tam âm giao + Dương lăng tuyền (châm)
- Mệt mỏi bất tỉnh: Nội quan + Nhân trung + Nội đình + Thái xung.
- Phát sốt, miệng khát bất rứt, không yên: Ủy trung + Thập tuyền (xuất huyết)
- Bắp chân co rút: Côn luân + Thừa sơn

### TÁO BÓN

\* { Chi câu . } Bình bô' bình tá' tễ buốt thì  
 { Chiếu hải / ngưng vẽ lưu 30 phút

\* Táo bón lâu : bô' Đại chung (62)

### Ả RA MÁU

\* Mệnh môn + Thận du (cứu Tmôi) + Cách du

(cứu 10 môi) + châm Trường cường châm  
xong gia cứu 10 môi.

châm cách 2 ngày một lần. (Lỗ điit súng  
đau chi' châm không cứu

\* lả ra máu tươi cứu Yêu dương quan 10 môi

UNG RUỘT (Trừu fiêm)

{ Lan vi Quan nguyên Túc tam lý	{	Công tôn + Nội quan +
		4 huyết quanh rốn (cách
		1 thốn)

Bình, lưu 20-30'; 5' về 1 lần. Châm xong  
lấy muối bọc vải chườm huyết

- Bụng đau nhiều: Thiên khu } tả, lưu 135'
- Nôn mửa nhiều: Nội quan } 15' về 1 lần
- Bệnh nghiêm trọng: châm ra máu ở các  
huyết: Khúc trí + Ủy trung
- phát sốt: Khúc trí

ĐẠI DÂM

Tam âm giao + Đại đôn + Bách hội + Trung cực  
< Tam âm giao, Trung cực bỏ' lưu 1 giờ  
Bách hội, Đại đôn không lưu kim  
Đại đôn, Bách hội, Trung cực châm + cứu >

## TRẺ EM ỈA CHẢY

Bách hội châm 1-2 phân lưu 1 giờ  
đồng thời day ở ngón trở từ Thường dương  
đến Hô khẩu 30 lần. Lại day ngón cái ở  
phía áp ngón trở từ gốc móng đến Hô khẩu  
18 lần. Cuối cùng day từ Ngự tế đến đi  
qua nếp ngang cổ tay day hướng huyết  
Thần môn: 7 lần

### SA DA DÂY

Bổ Đê trác

Vị thường

LANH CHƯỜNG BỤNG (Vị hàn)

Cửu Trung quản

### RỐI LOAN TIÊU HÓA

{ Trung quản (+ Thiên khu (sau)

{ Túc tam lý

{ Nội quan

### CAN UẤT MÁT TRÍ ĐỜ ĐĂN

Một nắm nghệ già nát, một cục phen  
băng ngón chân cái (phi) hoà lẫn, vắt nước  
dưa xiêm cho uống ngày 1 lần sẽ hết đăn

{ Can nhiệt huyết (D5) + Can du + Cân súc + T.T. lý +  
Th. xung + Hcốc + Can viêm điểm + (sỏi MẬT)

## HUYẾT ĐẶC HIỆU

- Xích trạch: viêm da dày, viêm ruột (nạn máu)
- Liệt khuyết: người già đái nhiều, viêm đường tiết niệu
- Tứ bạch: giun chui ống mật
- Thiên khu: tăng giảm nhu động ruột

### Giun đường ruột

- Thủy đạo: Viêm thận, viêm bàng quang
- Túc tam lý: bệnh vụng bụng trên
- Thương cơ hư: Ly. - viêm đại tràng
- Giải khe: viêm thận
- Thái bạch: đ. hơi, viêm tụy cấp mãn
- Tam âm giao: bệnh tật vụng bụng dưới
- Lâu cốt: ăn nhiều mà mình gầy
- Âm lăng tuyền: Viêm thận
- Huyết hải: giun sán (bách trùng sào)
- Đại hoanh: giun đũa đường ruột
- Uyển cốt: viêm túi mật
- Chi chính: với Thân môn tăng men tiêu hoá ruột non
- Cách du: ung thư da dày
- Đả m du: có tác dụng sát trùng mạnh
- Tam tiêu du: viêm thận
- Dương cương: viêm túi mật
- Chi thất: viêm tiền liệt tuyến
- Bao hoang: căng bóng đái

## HUYẾT... (hiếp)

- Thừa sơn: Thở tả (chuột rút)
- Chi âm: gây nôn trướng độc
- Đại chung: Khoá tả
- Hoang du: Dạ dày co rút - tắc mật
- Umôn: dạ dày co rút (đảm lý nhiệt)
- Khúc trách: ung ruột
- Nội quan: các bệnh nội tạng
- Đại lãn: dạ dày xuất huyết
- Chi câu: bí tả táo bón
- Tư độc: viêm thận
- Nhiếp can: ở chua
- Nhật nguyệt: loét dạ dày, tá tràng
- Ngũ khu: sa nội tạng ở bụng dưới
- Tuyết cốt tri tri đồ
- Âm bao: đau thắt lưng và xương cụt dẫn vào trong bụng
- Yêu dương quan: cấp tính tả ra máu
- Chi dương: giun chui ống mật
- Nảo hộ: mất vãng do tắc ruột cấp tính
- Khúc cốt: đá ra dương chấp
- Quan nguyên: chàm nhiều lần tiêu mất giun đũa đường ruột
- Thạch môn: không ăn được chất bột cứng

không hoá

- Thân khuyết: lao ruột dính ruột mà choáng
- Thủy phân: mọi thứ phũ thũng.
- Trung quản: phủ hội (mọi bệnh về tiêu hóa)
- Tử cung (nhâm): nước bọt như keo trắng
- Toàn cơ: cơ thắt thực quản và cơ dạ dày
- Thừa tương: đại nhiều uông nhiều
- Tử phũng: trẻ cam tích (chích nặn ~~đến~~ đến khi thấy ra máu là dừng 3 ngày/lần)
- Trung phủ: Đam nhiệt, đam hư
- Xung dương: lạnh nóng tử bụng, tả hạ hơi

### SAY NẶNG

Hợp cốc + Nội quan + Túc tam lý + Nhân trung. (Tả - bõ' lưu 10-15')

- Sốt cao: Khúc trí + Thập tuyên (+ 12 tĩnh)
- Co đúm gân: Ủy trung - Khúc Trạch (chiết)
- Tâm phiến, hôi hộp: Thông lý.

### \* NƯỚC TIỂU CÓ SẠN, KÉ BONG ĐÁI

Mật lợn đực 1 cái. Người lớn mỗi lần uống 1/4 cái mật. Trẻ em 5 - 10 tuổi uống 1/5. Ngày uống 2 lần.